

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN CHÂU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2022/DS-ST

Ngày: 27- 4 - 2022

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Xuân Lan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Đắc Nghĩa

2. Ông Võ Văn Hoa Vinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Tuyết Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 47/2022/TLST-DS ngày 18 tháng 02 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2022/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Trần Thị Ngọc D**, sinh năm 1980; địa chỉ: Tổ 7, ấp 3, xã S, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. Có mặt.

2. *Bị đơn:*

2.1. Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1972; địa chỉ: Tổ 11, ấp 3, xã S, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. Có mặt.

2.2. Bà **Nguyễn Thị Thu H**, sinh năm 1978; địa chỉ: Tổ 11, ấp 3, xã S, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15 tháng 02 năm 2022, cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Trần Thị Ngọc D trình bày:

Vào ngày 03/5/2021 (AL), nhằm ngày 12/6/2021 (DL), ông T có vay của bà số tiền 50.000.000 đồng, không thỏa thuận lãi suất, có hạn đến ngày 03/8/2021

(AL) sẽ trả. Có làm giấy mượn tiền do ông T viết và ký tên, không có thế chấp tài sản. Đến hạn trả thì ông T không trả tiền như đã hứa, bà đã nhiều lần yêu cầu ông T trả tiền nhưng ông T không trả. Trong quá trình giải quyết vụ kiện này, ông T có chuyển khoản trả cho bà được 30.000.000 đồng tiền vay gốc và bà có nhận được 4.600.000 đồng tiền lãi. Nay, bà yêu cầu ông T và bà Nguyễn Thị Thu H (vợ của ông T) cùng có nghĩa vụ trả số tiền vay gốc 20.000.000 đồng và tiền lãi với mức lãi suất là 1,66%/tháng tính từ ngày 12/6/2021 cho đến nay, tạm tính tiền lãi là 6.640.000 đồng.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 15/3/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết tại Tòa án, bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:

Ông thừa nhận có vay của bà D số tiền 50.000.000 đồng, khi vay có thỏa thuận tiền lãi bằng miệng là 10%/tháng, không thế chấp tài sản, có viết giấy nợ do ông viết và ký tên. Mục đích vay tiền là để ông làm kinh tế mua bán gỗ. Bà H (vợ của ông) không biết ông vay tiền của bà D. Khi bà D khởi kiện ông tại Tòa án thì ông đã chuyển khoản trả cho bà D số tiền vay gốc là 30.000.000 đồng. Riêng về tiền lãi ông đã trả cho bà D được 19.600.000 đồng (03 lần đưa bằng tiền mặt cho bà D, không có làm giấy tờ gì và không ai chứng kiến, 01 lần chuyển khoản 4.600.000 đồng). Nay, bà D yêu cầu ông trả số tiền vay gốc 20.000.000 đồng, ông đồng ý trả. Riêng về tiền lãi ông không đồng ý theo yêu cầu của bà D vì ông đã trả lãi cho bà D được 19.600.000 đồng. Ông yêu cầu khấu trừ tiền chênh lệch giữa tiền lãi ông đã đóng với tiền lãi ông phải trả cho bà D theo quy định.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 01/3/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết tại Tòa án, bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H trình bày:

Bà là vợ của ông Nguyễn Văn T. Khi ông T vay tiền của bà D thì bà không biết, ông T vay tiền làm gì cũng không nói cho bà biết. Kinh tế trong gia đình do bà tự làm, ông T không có đưa tiền cho bà. Nay, bà D khởi kiện yêu cầu bà và ông T cùng có nghĩa vụ trả số tiền vay gốc 20.000.000 đồng và tiền lãi, bà không đồng ý vì bà không có vay tiền của bà D.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh:

+ Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử, đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt Nội quy phiên tòa.

+ Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 147 BLTTDS; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 01/2019/NQ-

HĐTP, ngày 11/01/2019 về lãi, lãi suất; Nghị quyết số 326 về án phí, lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Ngọc D đối với ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Thu H. Buộc ông T, bà H trả cho bà D số tiền vay gốc 20.000.000 đồng và lãi phát sinh theo quy định của pháp luật, khấu trừ số tiền lãi đã nhận 4.600.000 đồng.

- Án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị Thu H là bị đơn vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà H.

[2] Về nội dung vụ án: Bà Trần Thị Ngọc D cho ông Nguyễn Văn T vay số tiền 50.000.000 đồng vào ngày 12/6/2021 (AL), không thỏa thuận lãi, có thỏa thuận thời hạn trả vào ngày 03/8/2021 (AL), đến hạn ông T không trả nên xảy ra tranh chấp.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Ngọc D, Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại giấy mượn tiền ghi ngày 03/5/2021 (AL) có nội dung ông T có vay của bà D số tiền 50.000.000 đồng hạn đến ngày 03/8/2021 trả đủ do ông T viết và ký tên. Ông T thừa nhận có vay khoảng vay 50.000.000 đồng. Bà D, ông T đều xác định trong thời gian giải quyết vụ án thì ông T đã trả được 30.000.000 đồng (ngày 26/02/2022 ông T chuyển khoản trả cho bà D số tiền 20.000.000 đồng; ngày 28/02/2022, ông T chuyển khoản trả cho bà D số tiền 10.000.000 đồng), hiện tại ông T còn nợ bà D số tiền 20.000.000 đồng tiền gốc và đồng ý trả số tiền gốc 20.000.000 đồng, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Khoảng nợ trên, không có chữ ký của bà H. Mặt khác, bà H, ông T cho rằng khi vay tiền bà H không biết, ông T cũng không nói cho bà H biết. Do đó, không đủ cơ sở để buộc bà H cùng có nghĩa vụ với ông T trả cho bà D số tiền vay trên.

Xét về yêu cầu tính tiền lãi: Tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu tính lãi với mức lãi suất theo quy định của pháp luật, tính từ ngày 12/6/2021 (AL) đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 27/4/2022), Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong giấy mượn tiền ghi ngày 03/5/2021 (AL) không có ghi thỏa thuận lãi, bà D cho rằng vay không thỏa thuận lãi, ông T trình bày có thỏa thuận lãi bằng miệng là 10% /tháng, bà Hiền không có ý kiến về việc thỏa thuận lãi. Xác định hợp đồng vay giữa bà Dung, ông

Tiền vay không tính lãi, có thời hạn trả là ngày 03/8/2021 (AL). Sau thời hạn trả, ông T không trả được cho bà D nên tiền lãi sẽ được tính kể từ ngày 04/8/2021 (AL) tức 10/9/2021 (DL) cho đến nay. Ông T cho rằng đã trả lãi cho bà D được 19.600.000 đồng, bà D chỉ thừa nhận có nhận chuyển khoản từ ông T số tiền 4.600.000 đồng, số tiền 15.000.000 đồng còn lại bà D không có nhận, ông T cũng không cung cấp được chứng cứ của việc có trả lãi cho bà D số tiền 15.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử xác định ông T có trả lãi cho bà D được số tiền 4.600.000 đồng. Còn số tiền lãi 15.000.000 đồng ông T trình bày không có căn cứ chấp nhận.

Việc tính lãi được tính như sau:

$50.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\% \times 05 \text{ tháng } 16 \text{ ngày} = 2.296.000 \text{ đồng.}$

$30.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\% \times 01 \text{ ngày} = 8.300 \text{ đồng}$

$20.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\% \times 01 \text{ tháng } 29 \text{ ngày} = 326.500 \text{ đồng.}$

Tổng cộng tiền lãi là 2.630.800 đồng.

Do bà D đã nhận số tiền lãi từ ông T là 4.600.000 đồng, ông T yêu cầu khấu trừ số tiền lãi chênh lệch bà D đã nhận với số tiền lãi theo quy định nên sẽ được tính khấu trừ như sau: 4.600.000 đồng (tiền lãi đã nhận) – 2.630.800 đồng (tiền lãi phải trả) = 1.969.200 đồng.

Ông T có nghĩa vụ trả cho bà D số tiền vay gốc là 20.000.000 đồng; bà D trả lại cho ông T số tiền lãi đã nhận là 1.969.200 đồng. Sau khi khấu trừ xong thì ông T có nghĩa vụ trả cho bà D số tiền vay 18.030.800 đồng.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của bà D được chấp nhận nên ông T phải chịu án phí sơ thẩm tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự; các Điều 144, 147, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Ngọc D đối với ông Nguyễn Văn T về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc ông Nguyễn Văn T có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị Ngọc D số tiền 18.030.800 (mười tám triệu không trăm ba mươi nghìn tám trăm) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Trần Thị Ngọc D cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng ông Nguyễn Văn T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2/ Về án phí:

Ông Nguyễn Văn T phải chịu 901.500 (chín trăm lẻ một nghìn năm trăm) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị Thu H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Trần Thị Ngọc D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho bà D số tiền 1.416.000 (một triệu bốn trăm mười sáu nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm bà D đã nộp theo biên lai thu số 0007088 ngày 18/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

3/ Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4/ Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Tây Ninh;
- VKSND H.Tân Châu;
- THA-DS Tân Châu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(ĐÃ KÝ)

Phạm Thị Xuân Lan